



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ LT12A THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng giao tiếp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tô	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	01		7,0	01	Thúy	
2	000002	0810211791	Vũ Thị Thúy	Hường	15/03/2002	KD8B	01		7,5	03	Thúy	HP (Đi nộp)
3	000003	0810211789	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	18/07/2002	KD8D	01		8,0	20	Thúy	
4	000004	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	01		7,5	08	Thúy	
5	000005	0810210103	Nông Đức	Mạnh	13/09/2002	KD9C	01		7,5	09	Thúy	
6	000006	1204020001	Nguyễn Thị	Biển	16/08/1987	LT12A	01		8,0	11	Thúy	
7	000007	1204020004	Trần Trọng	Đài	09/01/2003	LT12A	01		7,5	04	Thúy	
8	000008	1204020007	Kiều Thị	Hoa	20/08/1991	LT12A	01		7,5	10	Thúy	
9	000009	1204020022	Lý Thị Thùy	Linh	24/07/2003	LT12A	01		8,0	31	Thúy	
10	000010	1204020010	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/07/1991	LT12A	01		8,5	05	Thúy	
11	000011	1204020023	Phạm Thị	Ngọc	19/07/1993	LT12A	01		8,0	19	Thúy	
12	000012	1204020012	Nguyễn Văn	Phúc	11/07/1990	LT12A	01		7,0	32	Thúy	
13	000013	1204020014	Đinh Thu	Thảo	23/03/1991	LT12A	01		8,0	35	Thúy	
14	000014	1204020024	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/04/1989	LT12A	01		8,0	18	Thúy	
15	000015	1205020005	Luyện Thị Hồng	Hạnh	19/07/2000	LT12A_DHDI	01		7,5	26	Thúy	
16	000016	1205020019	Khương Mạnh	Hùng	01/01/2002	LT12A_DHDI	01					HP, ĐK
17	000017	1205020008	Vũ Thị Thu	Hương	02/03/1997	LT12A_DHDI	01		8,0	25	Thúy	
18	000018	1205020011	Lê Thị Hoàng	Nhi	16/01/2000	LT12A_DHDI	01		8,0	33	Thúy	
19	000019	1205020016	Vũ Phương	Thảo	04/02/2002	LT12A_DHDI	01		7,0	24	Thúy	
20	000020	1205020018	Khổng Văn	Trung	01/12/1988	LT12A_DHDI	01		8,0	06	Thúy	
21	000021	1204020002	Nguyễn Bá	Chắt	16/01/1985	LT12A_TCDE	01		7,5	18	Thúy	
22	000022	1203020003	Hoàng Văn	Cường	17/02/1994	LT12A_TCDE	01		8,0	14	Thúy	
23	000023	1204020006	Chu Thị	Hoa	19/11/2005	LT12A_TCDE	01		7,5	34	Thúy	HP (Đi nộp)
24	000024	1203020017	Lưu Thị	Thuận	26/05/1992	LT12A_TCDE	01		7,5	03	Thúy	
25	000025	1207020020	Lê Thành	Cương	24/08/1986	LT12A_VL.VH_CD	01		8,0	11	Thúy	
26	000026	1207020021	Hà Thị Mai	Hương	23/11/1980	LT12A_VL.VH_CD	01		8,5	15	Thúy	
27	000027	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	01		8,0	28	Thúy	HP (Đi nộp)
28	000028	0901011003	Nguyễn Thu	Trang	30/09/2002	NH9A	01		8,0	30	Thúy	HP (Đi nộp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	01		8,0	01	Lam	
30	000030	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01					ĐK
31	000031	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	01		7,5	29		
32	000032	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	01		7,5	17		HP
33	000033	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	01		7,0	08	Quân	HP
34	000034	1001030681	Nguyễn Hữu	Sơn	08/12/2004	QT10B	01		7,5	22	Sơn	
35	000035	0901031001	Nguyễn Kiều	Trang	02/11/2003	QT9A	01		8,0	07		HP
36	000036	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01		8,0	32	Lan	

Tổng số sinh viên dự thi:....34..

Tổng số tờ giấy thi:.....34.

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày ..8.. tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đại Phì' Trưởng, Phàn Phì' Trưởng